

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ
2024-01-30 14:17:25



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2023

Đà Nẵng, tháng 01 năm 2024

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01a – DN/HN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/12/2023)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2023) (đã điều chỉnh lại theo KTN)
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.761.253.888.457	1.619.067.077.803
I. Tiền	110		210.985.575.944	24.500.930.736
1 . Tiền	111	V.1	13.763.575.944	17.500.930.736
2 . Các khoản tương đương tiền	112		197.222.000.000	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		176.606.702.730	139.255.000.000
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	176.606.702.730	139.255.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		538.764.767.392	498.202.931.728
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	515.334.151.341	481.469.304.248
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.170.221.285	13.934.866.168
3 . Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	2.342.860.000	2.751.260.000
4 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	11.627.524.112	5.757.490.658
5 . Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(5.709.989.346)	(5.709.989.346)
IV. Hàng tồn kho	140		765.957.784.829	912.622.775.247
1 . Hàng tồn kho	141	V.5	776.023.985.593	954.658.679.650
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.066.200.764)	(42.035.904.403)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		68.939.057.562	44.485.440.092
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	13.000.500.880	9.527.827.412
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	52.278.789.960	34.953.346.976
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	3.659.766.722	4.265.704

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/12/2023)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2023) (đã điều chỉnh lại theo KTN)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		746.495.151.927	794.059.324.512
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.848.452.545	10.651.446.545
1 . Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	4.685.720.000	7.614.280.000
2 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4	1.162.732.545	3.037.166.545
II. Tài sản cố định	220		665.744.250.468	702.843.197.952
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	663.880.001.252	700.375.819.420
- Nguyên giá	222		2.039.265.934.388	1.984.326.610.724
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.375.385.933.136)	(1.283.950.791.304)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.864.249.216	2.467.378.532
- Nguyên giá	228		12.780.311.016	12.593.614.322
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(10.916.061.800)	(10.126.235.790)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		921.944.983	17.435.128.396
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	921.944.983	17.435.128.396
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	26.116.541.850	16.359.634.355
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		17.166.518.501	15.409.611.006
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(6.805.678.651)	(6.805.678.651)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.9	47.863.962.081	46.769.917.264
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		45.561.989.804	41.043.750.562
2 . Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.301.972.277	5.726.166.702
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.507.749.040.384	2.413.126.402.315

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

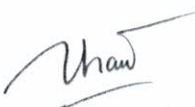
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/12/2023)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2023) (đã điều chỉnh lại theo KTN)
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.670.943.004.604	1.511.687.829.377
I. Nợ ngắn hạn	310		1.441.492.975.003	1.238.126.539.172
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	231.687.024.817	247.458.763.604
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.310.976.519	13.225.730.141
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.11	16.008.977.997	36.476.439.431
4. Phải trả người lao động	314		338.575.244.295	311.860.046.804
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	5.156.076.393	5.896.536.953
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		64.771.915	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	115.412.086.009	24.333.865.250
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	642.688.671.718	530.686.157.557
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	81.589.145.340	68.188.999.432
II. Nợ dài hạn	330		229.450.029.601	273.561.290.205
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		1.998.966.784	4.882.461.916
2. Phải trả dài hạn khác	337		454.600.000	-
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	226.484.939.447	268.678.828.289
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	341		511.523.370	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		836.806.035.780	901.438.572.938
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	836.806.035.780	901.438.572.938
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		360.027.080.000	300.030.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.027.080.000	300.030.750.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.300.280.000	1.752.940.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		206.579.950.294	178.026.784.321
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		227.896.456.204	377.815.114.784
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		145.922.388.021	98.761.374.269
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		81.974.068.183	279.053.740.515
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		39.002.269.282	43.812.983.833
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.507.749.040.384	2.413.126.402.315

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC







Phạm Anh Thảo

Nguyễn Thị Tường Long

Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			năm 2023	năm 2022 (đã điều chỉnh lại theo KTN)	năm 2023	năm 2022 (đã điều chỉnh lại theo KTN)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.121.880.482.607	1.202.581.116.199	4.703.966.718.679	5.178.994.729.409
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.487.946.657	256.249.327	3.757.144.627	456.833.533
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		1.120.392.535.950	1.202.324.866.872	4.700.209.574.052	5.178.537.895.876
4. Giá vốn hàng bán	11		1.031.906.143.024	1.053.507.531.838	4.268.076.376.832	4.564.510.426.208
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		88.486.392.926	148.817.335.034	432.133.197.220	614.027.469.668
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	29.571.696.586	49.084.752.508	84.155.373.745	97.314.884.450
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	20.460.144.580	42.606.295.179	69.386.809.704	81.115.346.231
Trong đó: Lãi vay phải trả	23		10.804.823.541	9.129.425.216	38.519.684.807	24.700.898.629
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	24		351.164.348	805.390.670	2.399.707.495	1.503.088.717
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	20.849.362.578	23.449.648.740	84.105.696.267	127.250.606.534
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	43.530.682.545	37.063.803.578	158.353.864.802	152.319.897.679
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21 - 22)+24-(25 + 26)]	30		33.569.064.157	95.587.730.715	206.841.907.687	352.159.592.391
12. Thu nhập khác	31	VI.6	3.780.942.828	1.631.195.761	10.280.757.806	6.435.880.836
13. Chi phí khác	32	VI.7	1.062.731.672	309.285.330	6.312.135.168	1.343.384.668
14. Lợi nhuận khác 40 = (31 - 32)	40		2.718.211.156	1.321.910.431	3.968.622.638	5.092.496.168
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		36.287.275.313	96.909.641.146	210.810.530.325	357.252.088.559
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		8.790.877.724	31.381.487.703	37.001.410.572	77.992.134.643
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.984.014.351)	(5.726.166.702)	3.935.717.795	(5.726.166.702)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		29.480.411.940	71.254.320.145	169.873.401.958	284.986.120.618
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		32.004.381.837	74.581.037.308	171.980.838.183	279.053.740.515
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.523.969.897)	(3.326.717.163)	(2.107.436.225)	5.932.380.103
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70				4.444	7.146
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Tường Long

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 01 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Kỳ tài chính từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 (đã điều chỉnh lại theo KTN)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		210.810.530.325	357.252.088.559
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		123.954.055.538	127.218.158.438
- Các khoản dự phòng	03		(31.969.703.639)	39.920.401.596
- Lỗ/ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.240.828.272	10.890.005.636
- Lỗ/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(23.915.961.872)	(16.544.012.338)
- Chi phí lãi vay	06		38.519.684.807	24.700.898.629
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động (08 = 01+02+03+04+05+06)	08		325.639.433.431	543.437.540.520
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(47.902.721.833)	20.605.834.126
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		178.634.694.057	(96.599.449.895)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		23.678.024.524	(157.795.613.479)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8.078.523.162)	(13.460.521.273)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(38.474.535.011)	(24.653.480.570)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(57.973.657.094)	(55.187.867.925)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		32.639.419	381.616.911
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.161.400.627)	(12.480.734.299)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		366.393.953.704	204.247.324.116

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Tiếp theo)

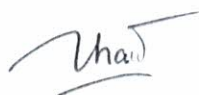
Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Kỳ tài chính từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 (đã điều chỉnh lại theo KTN)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(94.998.377.573)	(140.540.098.916)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		937.360.909	881.568.619
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(271.534.478.495)	(272.382.440.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		229.519.735.765	244.199.100.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27		14.141.725.269	12.431.307.590
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(121.934.034.125)	(155.410.562.707)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		3.725.391.182.603	3.955.451.541.865
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.663.012.509.094)	(4.012.643.909.763)
3. Cổ tức, lợi tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(120.499.545.500)	(26.027.744.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(58.120.871.991)	(83.220.111.898)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		186.339.047.588	(34.383.350.489)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		24.500.930.736	58.586.417.754
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		145.597.620	297.863.471
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	210.985.575.944	24.500.930.736

Đà Nẵng, Ngày 30 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“ Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ 61,87% vốn. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sợi, may mặc

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.
- Sản xuất, buôn bán các sản phẩm cơ khí.
- Cho thuê tài sản cố định và máy móc thiết bị.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Gia công kết cấu khung nhà thép các loại, gia công chế tạo, lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống áp lực các loại.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Số liệu báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày trên đây đã được hợp nhất số liệu của Tổng công ty và các công ty con trong toàn tập đoàn, bao gồm:

- Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần Thời Trang Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An
- Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Duy Xuyên
- Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ Thăng Bình
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây Dựng Hòa Thọ

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ kế toán:

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VNĐ”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Tổng công ty và các công ty con áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng:

1. Cơ sở hợp nhất:

1.1. Công ty con:

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

1.2. Lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

1.3. Công ty liên kết:

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

1.4. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất:

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại các công ty liên kết này.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày đầu tư, được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính chi cho việc tiêu thụ chúng. Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định, và phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	10 – 25 năm.
- Máy móc và thiết bị:	5 – 15 năm.
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	5 – 10 năm.
- Thiết bị, dụng cụ quản lý:	3 – 5 năm.
- Tài sản khác:	2 – 5 năm.
- Phần mềm máy tính:	3 – 5 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế phát sinh nhưng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn là công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 10 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải người bán và các khoản phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính:

- * Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có các yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi lại các khoản thu, chỉ có liên quan hoặc hàng hóa có thể bị trả lại.
- * Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- * Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ khi giao dịch đó.

10. Chính sách thuế và các lệ phí nộp ngân sách Nhà nước mà Tổng Công ty đang thực hiện:

- Thuế giá trị gia tăng, áp dụng mức:
 - Thuế suất 0%: áp dụng cho gia công hàng may mặc xuất khẩu, sợi xuất khẩu
 - Thuế suất 5%: áp dụng cho việc bán bông phế.
 - Thuế suất 8%: áp dụng cho các hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023.
 - Thuế suất 10%: áp dụng cho việc bán phế liệu ngành may, xơ phế; các loại sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất hiện hành 20%
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Đơn vị tính: Đồng Việt Nam****V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán:****1. Tiền và các khoản tương đương tiền:**

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt tại quỹ	197.916.388	167.344.719
– VND	197.916.388	167.344.719
Tiền gửi ngân hàng	13.565.659.556	17.333.586.017
– VND	7.845.570.415	12.017.258.814
– USD	5.720.089.141	5.316.327.203
Tương đương tiền	197.222.000.000	7.000.000.000
Cộng	210.985.575.944	24.500.930.736

2. Các khoản đầu tư tài chính:**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	176.606.702.730	176.606.702.730	139.255.000.000	139.255.000.000
- Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-
Cộng	184.606.702.730	184.606.702.730	139.255.000.000	139.255.000.000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết
Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Phú Ninh	4.000.000.000	(2.557.616.852)	4.000.000.000	(3.436.524.490)
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	6.428.000.000	9.296.135.353	6.428.000.000	8.418.135.496
Cộng	10.428.000.000	6.738.518.501	10.428.000.000	4.981.611.006

* Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần Bông Miền Trung	855.702.000	(505.678.651)	855.702.000	(505.678.651)
Công ty Cổ phần bao bì Hòa thọ Quảng Đà	600.000.000	-	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP HCM	6.300.000.000	(6.300.000.000)	6.300.000.000	(6.300.000.000)
Cộng	7.755.702.000	(6.805.678.651)	7.755.702.000	(6.805.678.651)

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

c) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
Công ty liên kết - Công ty CP may Hòa Thọ Quảng Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	304.150.799	467.379.207
Mua hàng hóa và dịch vụ	77.762.963.938	108.394.147.998
Công ty liên kết - Công ty CP may Hòa Thọ Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.904.263.006	2.216.473.534
Mua hàng hóa và dịch vụ	91.332.736.950	89.428.986.872
Công ty mẹ - Tập Đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.003.135.945	2.435.733.519
Mua hàng hóa và dịch vụ	30.916.887.331	23.413.569.719

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:

a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn :

	31/12/2023	01/01/2023 (đã điều chỉnh lại theo KTN)
<i>MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LIMITED</i>	227.158.560.082	139.903.797.596
<i>HAGGAR CLOTHING CO.</i>	86.827.098.602	91.560.398.308
<i>Các khách hàng khác</i>	201.348.492.657	250.005.108.344
Tổng cộng	515.334.151.341	481.469.304.248

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	31/12/2023	01/01/2023
<i>Công ty CP May Hòa Thọ Phú Ninh</i>	41.610.032	-
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	143.590.666	159.181.030
Tổng cộng	185.200.698	159.181.030

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Các khoản phải thu khác:

a, Phải thu ngắn hạn khác:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc (đã điều chỉnh lại theo KTN)	Dự phòng
CBCNV tạm ứng	2.130.593.214	-	1.107.894.840	-
Ký cược, ký quỹ	1.329.481.000	-	104.481.000	-
Phải thu khác	8.167.449.898	-	4.545.114.818	-
Cộng	11.627.524.112	-	5.757.490.658	-

b, Phải thu dài hạn khác:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Ký quỹ bảo đảm đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Nhà Máy May Triệu Phong"	-	-	2.450.000.000	-
- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng, ký quỹ khác	1.162.732.545	-	587.166.545	-
Cộng	1.162.732.545	-	3.037.166.545	-

c, Phải thu về cho vay ngắn hạn:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Phú Ninh	2.342.860.000	-	2.342.860.000	-
- Các bên khác	-	-	408.400.000	-
Cộng	2.342.860.000	-	2.751.260.000	-

d, Phải thu về cho vay dài hạn:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Phú Ninh	4.685.720.000	-	7.028.580.000	-
- Các bên khác	-	-	585.700.000	-
Cộng	4.685.720.000	-	7.614.280.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Hàng tồn kho:**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc (đã điều chỉnh lại theo KTNN)	Dự phòng (đã điều chỉnh lại theo KTNN)
Hàng mua đang đi đường	121.656.620.675	(1.043.278.429)	57.520.651.683	(1.020.073.709)
Nguyên vật liệu	192.547.259.837	(3.061.261.989)	293.527.557.391	(27.315.695.061)
Công cụ dụng cụ	2.024.195.631	-	508.599.016	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	336.696.888.370	(3.130.624.852)	416.214.620.311	(3.597.053.186)
Thành phẩm	60.042.697.458	(1.845.008.726)	54.011.314.325	(9.657.502.024)
Hàng hóa	6.283.260.703	(951.562.364)	6.259.266.067	(445.580.423)
Hàng gửi đi bán	56.773.062.919	(34.464.404)	126.616.670.857	-
Cộng	776.023.985.593	(10.066.200.764)	954.658.679.650	(42.035.904.403)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Tài sản cố định hữu hình:

Chi tiêu	Nhóm	Nhà cửa kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ							
Số dư tại ngày 01/01/2023 (đã kiểm toán)		468.086.301.287	1.316.153.913.583	87.471.651.025	9.536.080.162	103.078.664.667	1.984.326.610.724
Mua mới trong năm		1.567.385.406	7.651.901.690	1.977.822.043	379.977.170	793.263.154	12.370.349.463
Chuyển từ XDCB dở dang		128.964.082	73.769.427.546	17.309.817	-	294.750.000	74.210.451.445
Phân loại lại tài sản		(1.812.332.071)	2.080.913.143	-	-	(268.581.072)	-
Thanh lý		-	(28.676.541.904)	(2.076.080.147)	-	(888.855.193)	(31.641.477.244)
Số dư tại ngày 31/12/2023		467.970.318.704	1.370.979.614.058	87.390.702.738	9.916.057.332	103.009.241.556	2.039.265.934.388
Giá trị đã hao mòn							
Số dư tại ngày 01/01/2023 (đã kiểm toán)		199.043.420.649	942.321.345.190	47.533.822.535	7.785.939.029	87.266.263.901	1.283.950.791.304
Khấu hao trong kỳ		24.262.809.037	83.695.455.481	8.537.075.260	647.552.909	5.933.726.389	123.076.619.076
Phân loại lại tài sản		(1.923.627.517)	2.039.399.331	-	-	(115.771.814)	-
Thanh lý		-	(28.676.541.904)	(2.076.080.147)	-	(888.855.193)	(31.641.477.244)
Số dư tại ngày 31/12/2023		221.382.602.169	999.379.658.098	53.994.817.648	8.433.491.938	92.195.363.283	1.375.385.933.136
Giá trị còn lại							
Số dư tại ngày 01/01/2023 (đã kiểm toán)		269.042.880.638	373.832.568.393	39.937.828.490	1.750.141.133	15.812.400.766	700.375.819.420
Số dư tại ngày 31/12/2023		246.587.716.535	371.599.955.960	33.395.885.090	1.482.565.394	10.813.878.273	663.880.001.252

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 203 có các tài sản có nguyên giá 867.239 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản cố định vô hình:****Phần mềm****Nguyên giá**

Số dư tại ngày 01/01/2023

12.593.614.322

Tăng trong kỳ

186.696.694

Giảm trong kỳ

-

Số dư tại ngày 31/12/2023

12.780.311.016

Khấu hao

Số dư tại ngày 01/01/2023

10.126.235.790

Tăng trong kỳ

789.826.010

Giảm trong kỳ

-

Số dư tại ngày 31/12/2023

10.916.061.800

Giá trị còn lại

Số dư tại ngày 01/01/2023

2.467.378.532

Số dư tại ngày 31/12/2023

1.864.249.216

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 8.371 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	31/12/2023	01/01/2023 (đã điều chỉnh lại theo KTN)
+ Hệ thống PCCC tại Hội An	511.049.236	-
+ Đầu tư dự án nhà máy Triệu Phong - GD 3	293.540.191	-
+ Đầu tư thiết bị nhà máy sợi	-	13.367.742.196
+ Các công trình khác	117.355.556	4.067.386.200
Cộng	921.944.983	17.435.128.396

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Chi phí trả trước:

	31/12/2023	01/01/2023 (đã điều chỉnh lại theo KTNN)
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	13.000.500.880	9.527.827.412
b. Dài hạn:		
Chi phí trả trước dài hạn là công cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ	45.561.989.804	41.043.750.562
Cộng	58.562.490.684	50.571.577.974

10. Phải trả người bán ngắn hạn:

- Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn:*

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023	01/01/2023
HULTAFORS GROUP AB	18.705.524.789	41.205.311.087
Các nhà cung cấp khác	212.981.500.028	206.253.452.517
	231.687.024.817	247.458.763.604

*** Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023	01/01/2023
- Công ty CP may Hòa Thọ Phú Ninh	906.163.602	-
- Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.387.148.375	5.023.685.489
- Công ty Cổ phần may Hoà Thọ Quảng Nam	7.600.436.555	18.462.790.590
Tổng cộng	13.893.748.532	23.486.476.079

11. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước:

a, Thuế và các khoản phải thu nhà nước:

	01/01/2023	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	31/12/2023
Các loại thuế khác	4.265.704	-	3.655.501.018	-	-	3.659.766.722
Cộng	4.265.704	-	3.655.501.018	-	-	3.659.766.722

b, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

	01/01/2023 (đã điều chỉnh lại theo KTN)	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải thu	khác	31/12/2023
Thuế GTGT bán hàng nội địa	3.766.804.205	110.753.078.880	(66.189.799.223)	(43.634.482.331)	-	4.695.601.531
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	21.423.270.016	(21.423.270.016)	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	56.980.038	3.620.969.974	(3.677.687.995)	-	-	262.017
Thuế thu nhập DN	31.884.480.458	37.001.410.572	(57.973.657.094)	-	-	10.912.233.936
Thuế thu nhập cá nhân	768.174.730	9.088.440.745	(9.455.878.496)	-	-	400.736.979
Các loại thuế khác	-	7.442.466.725	(7.442.323.191)	-	-	143.534
Cộng	36.476.439.431	189.329.636.912	(166.162.616.015)	(43.634.482.331)	-	16.008.977.997

c, Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ:

	01/01/2023	Số phát sinh	Số đã được hoàn	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	31/12/2023
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ	34.953.346.976	205.692.659.040	(144.687.398.813)	(43.634.482.331)	(45.334.912)	52.278.789.960
Cộng	34.953.346.976	205.692.659.040	(144.687.398.813)	(43.634.482.331)	(45.334.912)	52.278.789.960

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí phải trả ngắn hạn:**

	31/12/2023	01/01/2023
<i>Chi phí trích trước DDP, giám sát, thuê, in</i>	<i>351.992.592</i>	<i>1.922.413.784</i>
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>468.679.648</i>	<i>423.529.852</i>
<i>Trích trước chi phí hoa hồng, VC, THC, bảo hiểm (NMS)</i>	<i>1.578.061.146</i>	<i>2.748.208.017</i>
<i>Trích trước chi phí tiền điện, nước, thùng, thực phẩm, hoa hồng (đơn vị may)</i>	<i>2.719.868.825</i>	<i>769.365.300</i>
<i>Các chi phí khác</i>	<i>37.474.182</i>	<i>33.020.000</i>
Cộng	5.156.076.393	5.896.536.953

13. Phải trả ngắn hạn khác:

	31/12/2023	01/01/2023
<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>17.781.619.769</i>	<i>15.626.312.053</i>
<i>Lãi cổ tức phải trả</i>	<i>91.194.507.100</i>	<i>1.132.452.600</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>6.435.959.140</i>	<i>7.575.100.597</i>
Cộng	115.412.086.009	24.333.865.250

14. Vay và nợ thuê tài chính:

a, Vay ngắn hạn:

	31/12/2023	Phát sinh trong kỳ		01/01/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng 1	81.741.755.703	239.637.026.269	179.715.893.355	21.820.622.789
+ Ngân hàng 2	179.949.256.061	535.541.854.877	414.209.495.536	58.616.896.720
+ Ngân hàng 3	-	213.263.760.522	213.263.760.522	-
+ Ngân hàng 4	-	-	44.392.085.507	44.392.085.507
+ Ngân hàng 5	259.473.665.681	2.352.233.552.656	2.407.942.242.103	315.182.355.128
+ Ngân hàng 6	39.159.534.223	127.627.215.131	88.467.680.908	-
+ Ngân hàng 7	55.133.854.140	163.047.654.271	156.289.085.824	48.375.285.693
+ Ngân hàng 8	-	108.001.723.905	108.001.723.905	-
+ Ban liên lạc hưu trí	250.000.000	-	50.000.000	300.000.000
Cộng	615.708.065.808	3.739.352.787.631	3.612.331.967.660	488.687.245.837

b, Vay dài hạn:

	31/12/2023	Phát sinh trong kỳ		01/01/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng 1	20.011.474.310	899.175.972	32.308.938.984	51.421.237.322
+ Ngân hàng 2	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	204.923.465.137	28.058.718.186	27.602.844.016	204.467.590.967
+ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	1.550.000.000	-	1.240.000.000	2.790.000.000
Cộng	226.484.939.447	28.957.894.158	71.151.783.000	268.678.828.289

c, Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng:

	31/12/2023	Phát sinh trong kỳ		01/01/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Các khoản vay dài hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng	26.980.605.910	37.232.668.499	52.250.974.309	41.998.911.720
Cộng	26.980.605.910	37.232.668.499	52.250.974.309	41.998.911.720

Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho, và tài sản cố định của Tổng công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu:

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2022	236.250.000.000	140.963.518.580	234.646.810.143	1.176.340.000	40.761.999.959	653.798.668.682
- Tăng vốn trong năm	63.780.750.000	-	(64.357.350.000)	576.600.000	-	-
- Phân bổ vào các quỹ	-	37.063.265.741	(37.063.265.741)	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	279.053.740.515	-	5.932.380.103	284.986.120.618
- Cổ tức	-	-	(23.625.000.000)	-	(2.551.000.000)	(26.176.000.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(10.839.820.133)	-	(330.396.229)	(11.170.216.362)
Số dư tại ngày 31/12/2022 (đã điều chỉnh lại theo KTN)	300.030.750.000	178.026.784.321	377.815.114.784	1.752.940.000	43.812.983.833	901.438.572.938
Số dư tại ngày 01/01/2023	300.030.750.000	178.026.784.321	377.815.114.784	1.752.940.000	43.812.983.833	901.438.572.938
- Tăng vốn trong năm	59.996.330.000	-	(61.543.670.000)	1.547.340.000	-	-
- Phân bổ vào các quỹ	-	28.553.165.973	(28.553.165.973)	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	171.980.838.183	-	(2.107.436.225)	169.873.401.958
- Cổ tức	-	-	(210.019.070.000)	-	(1.957.962.000)	(211.977.032.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(21.783.590.790)	-	(745.316.326)	(22.528.907.116)
Số dư tại ngày 31/12/2023	360.027.080.000	206.579.950.294	227.896.456.204	3.300.280.000	39.002.269.282	836.806.035.780

b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023	01/01/2023
Vốn góp của Tập đoàn Dệt may Việt Nam	222.742.050.000	185.618.380.000
Vốn góp của các đối tượng khác	137.285.030.000	114.412.370.000
Cộng	360.027.080.000	300.030.750.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

c, Cổ phiếu:

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.002.708	30.003.075
- Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	30.003.075
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.002.708	30.003.075
- Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	30.003.075
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi:

	<u>Quỹ khen thưởng phúc lợi</u>
Số dư tại ngày 01/01/2023	68.188.999.432
Trích lập trong năm từ lợi nhuận thuần	22.528.907.116
Tăng khác trong kỳ	32.639.419
Sử dụng trong kỳ	(9.161.400.627)
Số dư tại ngày 31/12/2023	81.589.145.340

17. Các yếu tố ngoài bảng cân đối kế toán:

• **Ngoại tệ các loại:**

	<u>31/12/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VNĐ</u>
USD	237.421,84	5.720.089.141	227.195,66	5.316.327.203

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

a, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 (đã điều chỉnh lại theo KTNN)
+ Doanh thu bán hàng và gia công hàng dệt may	4.694.186.132.524	5.170.918.533.990
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	9.780.586.155	8.076.195.419
Cộng	4.703.966.718.679	5.178.994.729.409

b, Các khoản giảm trừ doanh thu:

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
Chiết khấu thương mại	3.275.248.195	-
Giảm giá hàng bán	70.626.293	-
Hàng bán bị trả lại	411.270.139	456.833.533
Cộng	3.757.144.627	456.833.533

2. Giá vốn hàng bán:

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 (đã điều chỉnh lại theo KTNN)
Giá vốn bán hàng và gia công hàng dệt may	4.295.870.418.282	4.515.341.806.706
Giá vốn dịch vụ khác	4.175.662.189	3.045.754.426
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(31.969.703.639)	46.122.865.076
Cộng	4.268.076.376.832	4.564.510.426.208

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)
Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Doanh thu hoạt động tài chính:

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 (đã điều chỉnh lại theo KTN)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ứng trước	20.410.893.468	13.966.520.999
Chiết khấu thanh toán	18.366.324	22.905.132
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	63.558.113.953	83.157.458.319
Lợi nhuận được chia	168.000.000	168.000.000
Cộng	84.155.373.745	97.314.884.450

4. Chi phí tài chính:

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
Chi phí lãi tiền vay	38.519.684.807	24.700.898.629
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	22.626.296.625	45.227.907.321
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.240.828.272	10.890.005.636
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	296.534.645
Cộng	69.386.809.704	81.115.346.231

5. Chi phí bán hàng:

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 (đã điều chỉnh lại theo KTN)
Chi phí nhân viên	7.450.318.876	6.529.732.791
Chi phí vật liệu, bao bì	727.270.099	889.095.934
Chi phí dụng cụ đồ dùng	357.982.822	1.371.907.662
Chi phí khấu hao TSCĐ	929.987.754	969.166.553
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.720.346.717	102.622.143.662
Chi phí bằng tiền khác	17.919.789.999	14.868.559.932
Cộng	84.105.696.267	127.250.606.534

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 (đã điều chỉnh lại theo KTN)
Chi phí nhân viên	83.273.524.891	75.980.195.111
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.521.756.836	2.839.423.508
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.874.778.161	9.922.454.527
Thuế, phí và lệ phí	7.550.074.463	12.673.545.336
Chi phí dự phòng khó đòi	-	(1.440.273.725)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.912.428.071	27.556.257.273
Chi phí bằng tiền khác	23.221.302.380	24.788.295.649
Cộng	158.353.864.802	152.319.897.679

7. Thu nhập khác:

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	937.360.909	906.402.622
Các khoản thu khác	9.343.396.897	5.529.478.214
Cộng	10.280.757.806	6.435.880.836

8. Chi phí khác:

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
Các khoản chi khác	6.312.135.168	1.343.384.668
Cộng	6.312.135.168	1.343.384.668

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 (đã điều chỉnh lại theo KTN)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.371.039.795.168	2.741.275.183.252
Chi phí nhân công	1.273.329.864.738	1.331.474.227.105
Chi phí khấu hao TSCĐ	123.954.055.538	127.218.158.438
Chi phí dự phòng	-	(1.440.273.725)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	580.422.864.917	744.785.403.942
Cộng	4.348.746.580.361	4.943.312.699.012

10. Báo cáo bộ phận:

Một bộ phận là một phần không thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

a) Bộ phận theo vùng địa lý

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Tổng công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

Tổng công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Thụy Điển
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Các vùng địa lý khác

Đơn vị tính: 1.000 đồng

	Trung Quốc		Hoa Kỳ		Thụy Điển		Nhật Bản		Châu Phi		Việt Nam		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	12T2023	12T2022 (đã điều chỉnh lại theo KINN)	12T2023	12T2022	12T2023	12T2022	12T2023	12T2022 (đã điều chỉnh lại theo KINN)	12T2023	12T2022	12T2023	12T2022	12T2023	12T2022 (đã điều chỉnh lại theo KINN)	12T2023	12T2022 (đã điều chỉnh lại theo KINN)
Tổng doanh thu của bộ phận	1.708.631.304	1.555.570.038	919.227.745	996.923.631	353.500.980	497.262.986	488.615.049	520.990.868	144.912.893	334.668.004	227.704.243	395.648.690	861.374.504	877.930.513	4.703.966.719	5.178.994.729
Kết quả kinh doanh của bộ phận	125.556.275	124.953.425	117.124.768	129.297.701	24.212.638	34.422.628	42.179.626	48.934.309	5.178.795	67.177.239	72.036.667	122.291.434	45.844.429	86.950.733	432.133.197	614.027.470
Thu nhập không phân bổ															86.555.081	98.817.973
Chi phí không phân bổ															311.846.371	360.685.850
Kết quả từ hoạt động kinh doanh															206.841.908	352.159.592
Thu nhập khác															10.280.758	6.435.881
Chi phí khác															6.312.135	1.343.385
Thuế TNDN															40.937.128	72.265.968
Lợi nhuận thuần sau thuế															169.873.402	284.986.121

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

b) Bộ phận theo hoạt động kinh doanh

Tổng công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong hai lĩnh vực kinh doanh là:

* May mặc

* Sợi

Đơn vị tính: 1.000 đồng

	May mặc		Sợi		Loại trừ nội bộ		Hợp nhất	
	12T 2023	12T 2022 (đã điều chỉnh lại theo KTNN)	12T 2023	12T 2022 (đã điều chỉnh lại theo KTNN)	12T 2023	12T 2022	12T 2023	12T 2022 (đã điều chỉnh lại theo KTNN)
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	3.776.509.564	3.972.540.165	927.457.155	1.206.454.564	-	-	4.703.966.719	5.178.994.729
Doanh thu giữa các bộ phận	134.719.682	137.828.007	37.607.131	58.056.128	(172.326.813)	(195.884.135)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	3.911.229.246	4.110.368.172	965.064.286	1.264.510.692	(172.326.813)	(195.884.135)	4.703.966.719	5.178.994.729
Kết quả kinh doanh của bộ phận	417.750.504	498.202.929	14.382.693	115.824.541	-	-	432.133.197	614.027.470
Doanh thu tài chính							84.155.374	97.314.884
Chi phí tài chính							69.386.810	81.115.346
Phản lãi trong công ty liên kết							2.399.707	1.503.089
Chi phí không phân bổ							242.459.561	279.570.505
Kết quả hoạt động khác không phân bổ							3.968.623	5.092.496
Lợi nhuận trước thuế không phân bổ							210.810.530	357.252.089
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							37.001.411	77.992.135
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							3.935.718	(5.726.167)
Lợi nhuận thuần sau thuế							169.873.402	284.986.121

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)



Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

	May mặc		Sợi		Hợp nhất	
	31/12/2023	01/01/2023 (đã điều chỉnh lại theo KTNN)	31/12/2023	01/01/2023 (đã điều chỉnh lại theo KTNN)	31/12/2023	01/01/2023 (đã điều chỉnh lại theo KTNN)
Tài sản của bộ phận phân bổ	1.540.859.479	1.628.780.325	496.911.632	556.658.502	2.037.771.111	2.185.438.827
Giá trị còn lại của tài sản không phân bổ					469.977.929	227.687.575
Tổng tài sản					2.507.749.040	2.413.126.402
Nợ phải trả của bộ phận phân bổ	1.125.107.333	940.381.827	297.682.115	295.337.031	1.422.789.448	1.235.718.858
Các khoản nợ không phân bổ					248.153.557	275.968.971
Tổng nợ phải trả					1.670.943.005	1.511.687.829
	May mặc		Sợi		Hợp nhất	
	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023 (đã điều chỉnh lại theo KTNN)
Chi tiêu vốn					94.998.378	140.540.099
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					123.076.619	126.342.117
Khấu hao tài sản cố định vô hình					789.826	788.431

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Tường Long

Đà Nẵng, Ngày 30 tháng 01 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hải